

Ngày	10,000 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.2%	10.5%	-8.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,900 - 13,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	629
Số lượng CPLH (CP)	62,935,104
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,550
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.16
EPS	1,167
P/E	8.6

DT thuần

Q1/24

705

tỷ VNĐ

QoQ: ▼132| -15.8%

YoY: ▲ 27.0| 4.0%

LN trước thuế

Q1/24

15.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.00| -11.3%

YoY: ▼1.40| -8.2%

LN sau thuế

Q1/24

14.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.40| -14.8%

YoY: ▼1.20| -8.1%

ROA

2023

4.4%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2023

2,940

tỷ VNĐ

YoY: ▼55.0| -1.8%

LN trước thuế

2023

83.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.40| -6.0%

LN sau thuế

2023

75.3

tỷ VNĐ

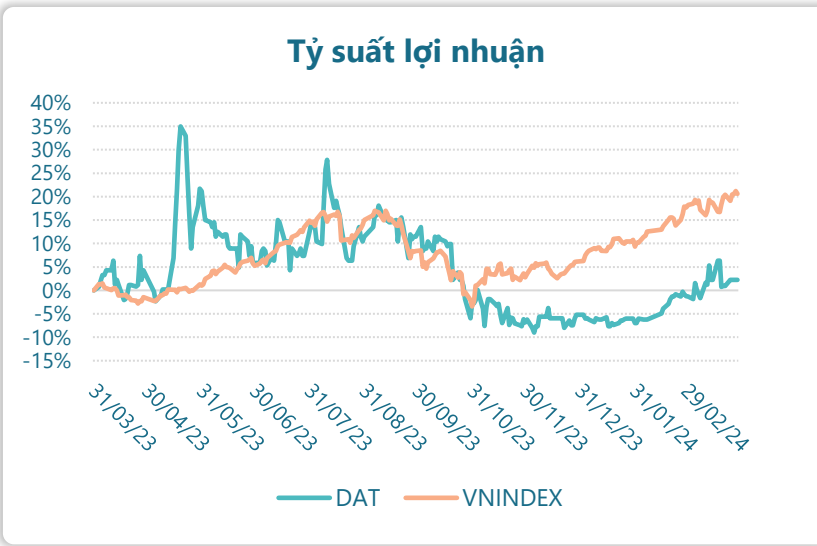
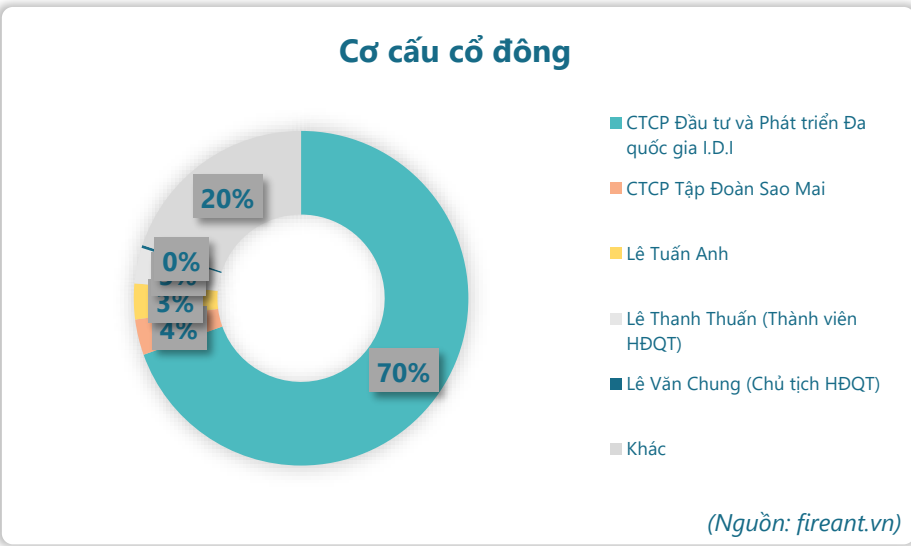
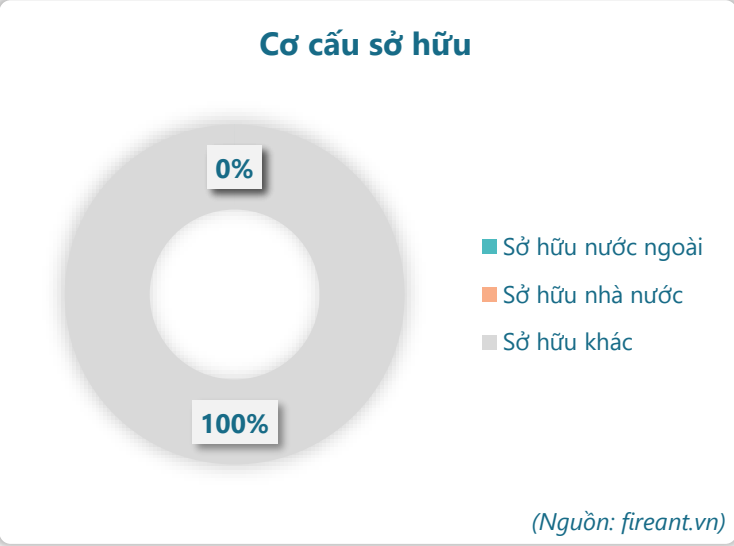
YoY: ▼4.80| -6.0%

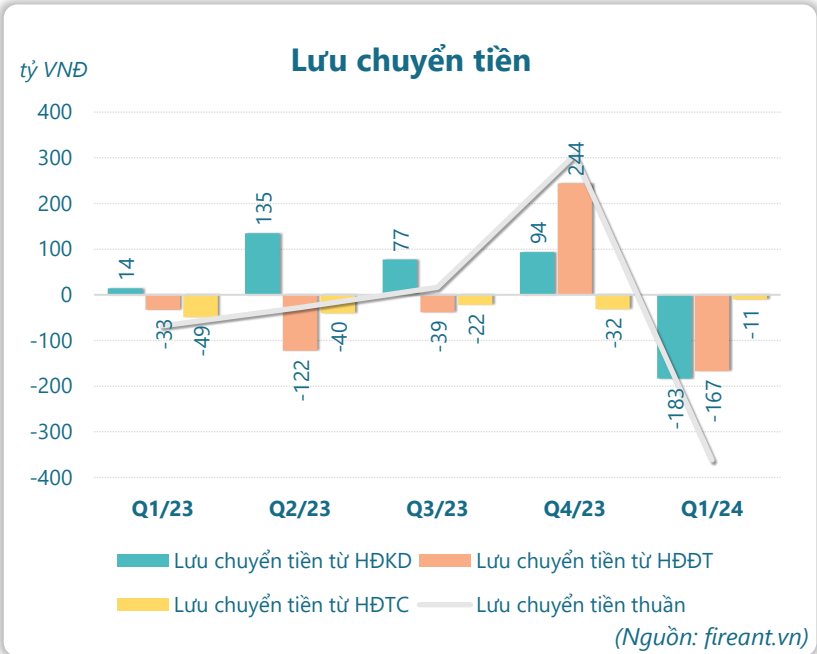
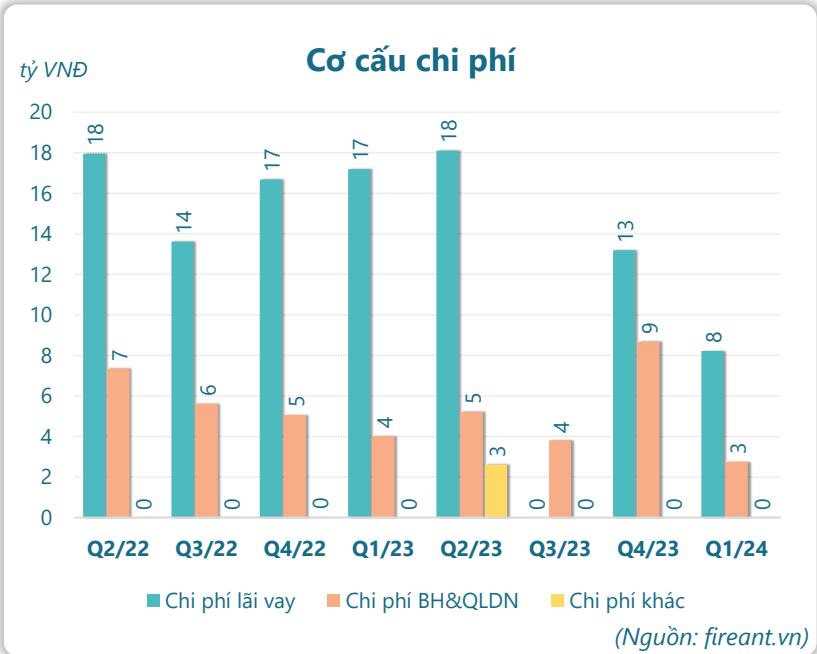
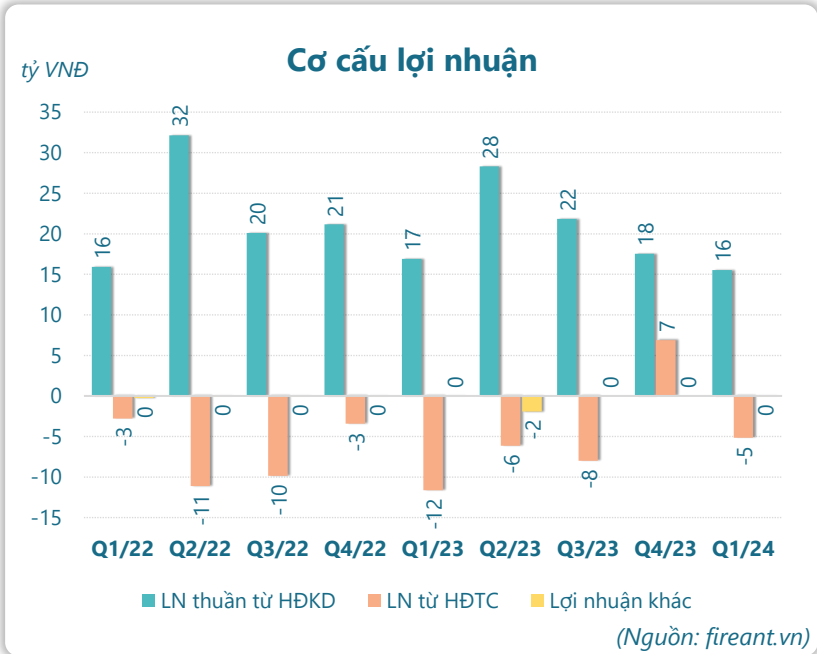
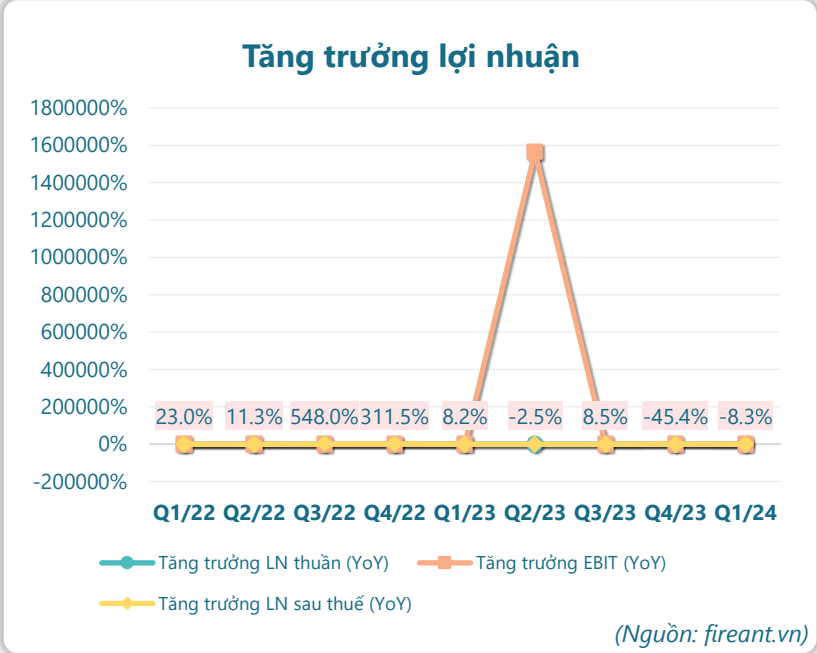
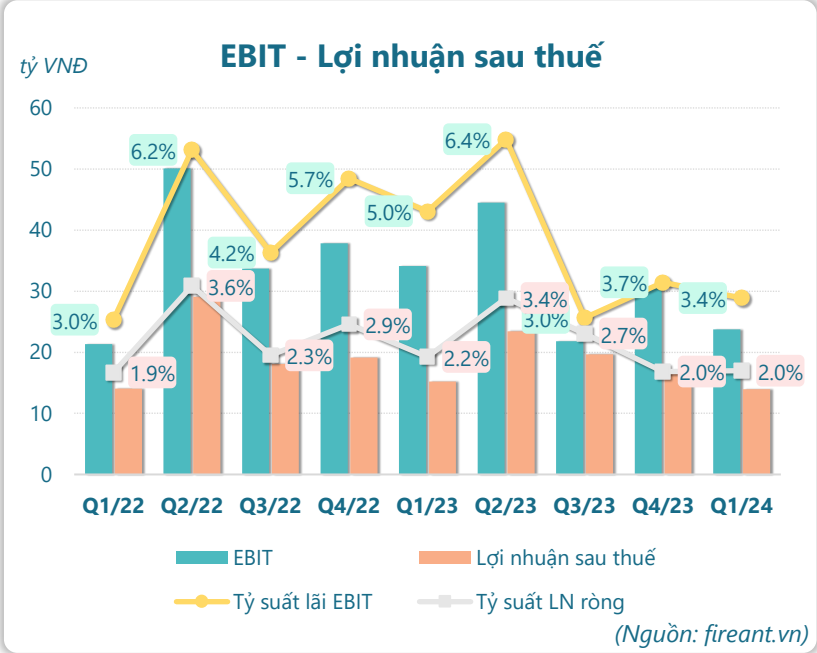
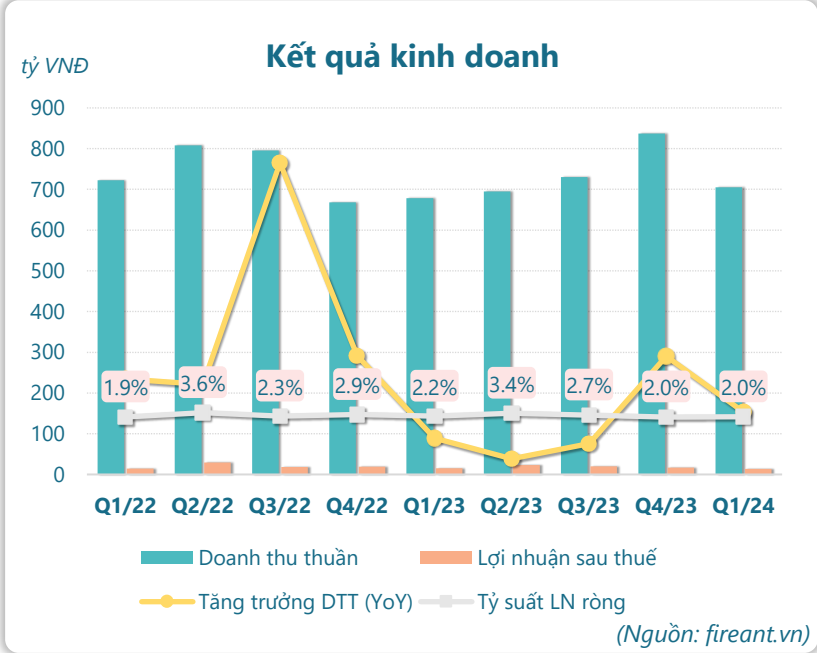
ROE

2023

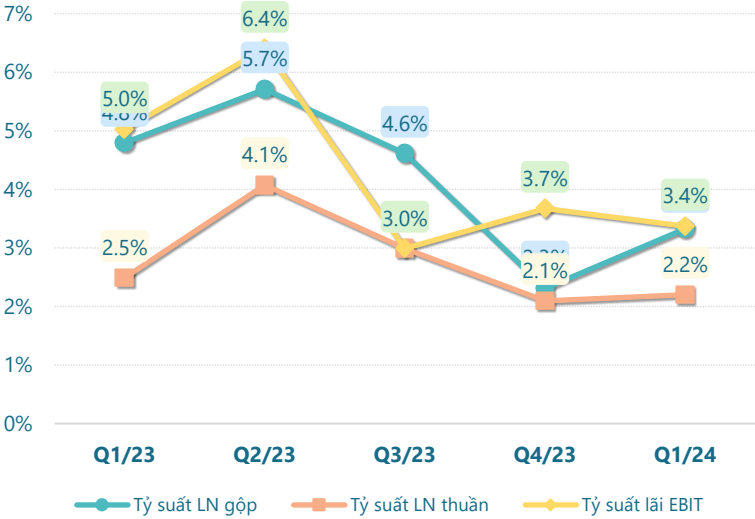
9.5%

+/- YoY: ▼ 1.7%



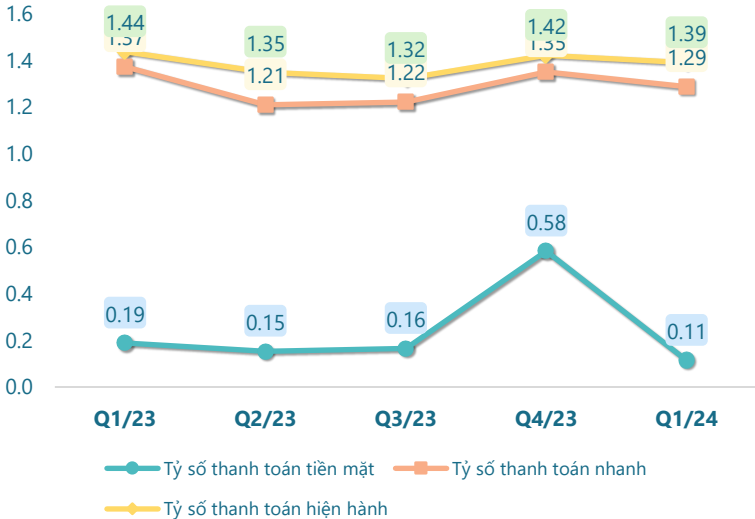


Tỷ suất lợi nhuận



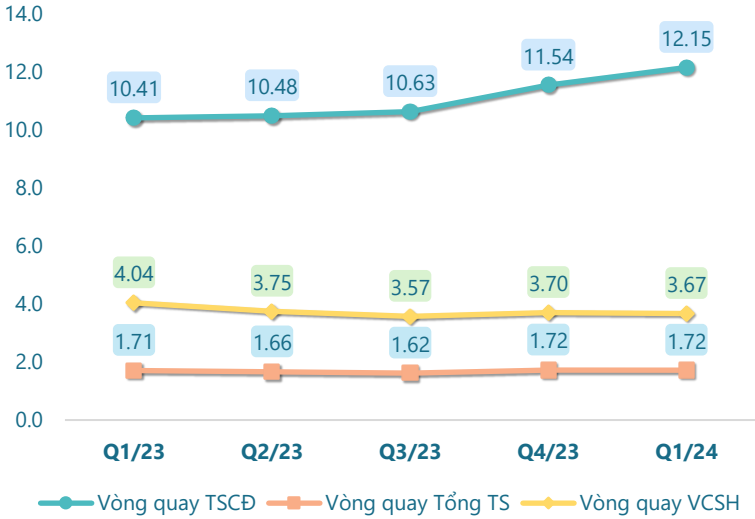
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



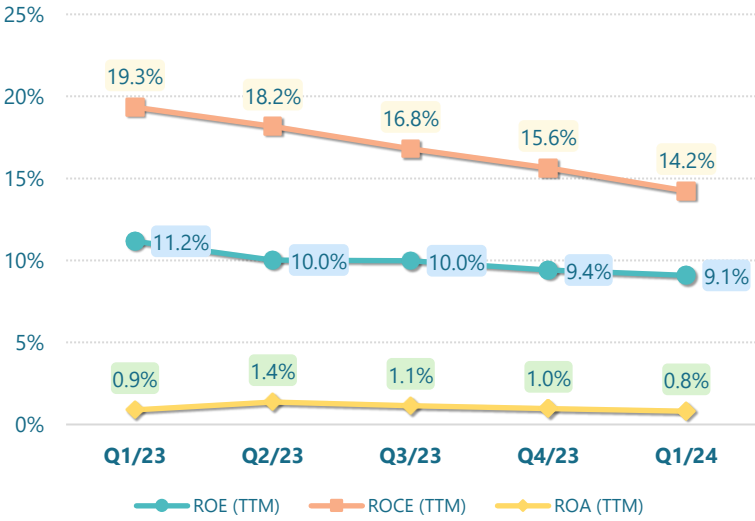
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



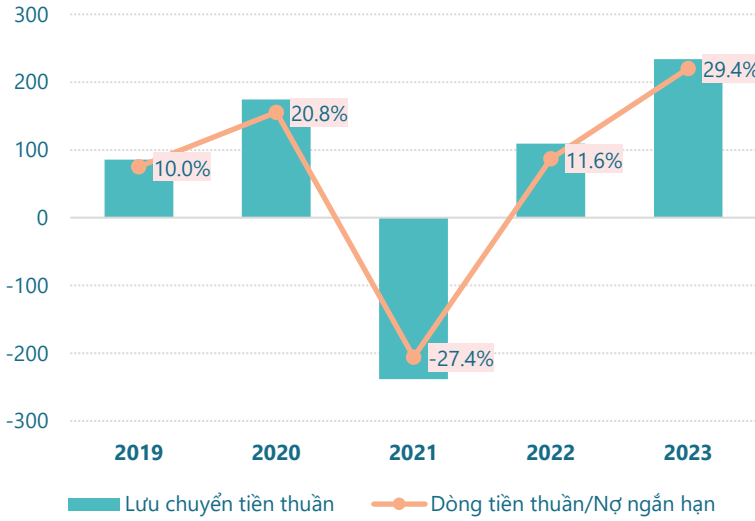
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



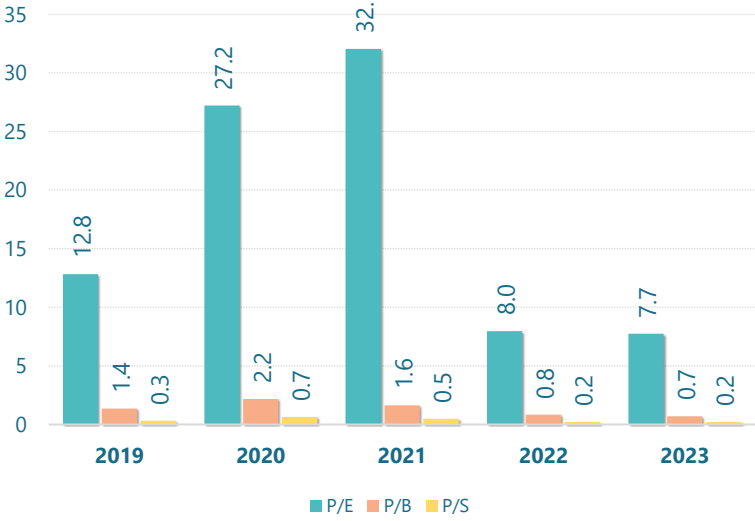
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)